

BẢO HỘ NHÃN HIỆU TẬP THỂ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM - THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

KIỀU ANH KHOA
Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 09/02/2026. Sửa chữa xong 05/03/2026. Duyệt đăng 19/03/2026

Abstract

Vietnamese law has established certain regulations on the protection of collective trademarks, thereby providing a legal basis for the establishment and enforcement of intellectual property rights over this specific type of trademark. However, practical application shows that the current regulations still suffer from various limitations and shortcomings, both in terms of substantive legal provisions and enforcement mechanisms. On that basis, this article focuses on analyzing the current situation of collective trademark protection under Vietnamese law and proposes several recommendations aimed at improving the legal framework and enhancing the effectiveness of protection in the coming period.

Keywords: Collective trademarks, current situation, legal protection, recommendations, Vietnamese law.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và cạnh tranh ngày càng gay gắt, quyền sở hữu trí tuệ giữ vai trò quan trọng trong việc bảo vệ lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh doanh và thúc đẩy phát triển bền vững. Bên cạnh nhãn hiệu thông thường, nhãn hiệu tập thể là công cụ pháp lý đặc thù nhằm bảo vệ danh tiếng, uy tín của sản phẩm, dịch vụ do một cộng đồng chủ thể cùng sử dụng, đặc biệt gắn với hợp tác xã, hiệp hội ngành nghề, làng nghề và sản phẩm đặc thù vùng miền. Nhãn hiệu tập thể có thể được coi là công cụ hữu hiệu cho các tổ chức, hội, làng nghề khi họ phải vượt qua những thách thức về quy mô nhỏ và sự phân lập trên thị trường. Việc sử dụng một nhãn hiệu tập thể cho phép các thành viên hưởng lợi từ uy tín đạt được từ tên gọi, nguồn gốc xuất xứ chung [1]. Pháp luật Việt Nam đã từng bước ghi nhận và hoàn thiện cơ chế bảo hộ nhãn hiệu tập thể thông qua Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc xác lập nhãn hiệu tập thể những năm qua đã được thực hiện khá tốt ở nhiều địa phương góp phần nâng cao thương hiệu đặc sản địa phương, những hàng hóa hoặc dịch vụ của doanh nghiệp [3]. Trên thực tế, số lượng nhãn hiệu tập thể được đăng ký và cấp văn bằng bảo hộ ngày càng gia tăng, góp phần nâng cao giá trị thương mại của sản phẩm và hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể. Tuy nhiên, hiệu quả bảo hộ và khai thác nhãn hiệu tập thể vẫn còn hạn chế. Nhiều nhãn hiệu sau khi được bảo hộ chưa được quản lý, sử dụng hiệu quả; cơ chế kiểm soát chất lượng còn hình thức; việc thực thi và bảo vệ quyền đối với nhãn hiệu tập thể chưa thực sự đồng bộ. Bên cạnh đó, một số quy định pháp luật hiện hành còn thiếu rõ ràng hoặc chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Trước yêu cầu nâng cao hiệu quả bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và phát huy vai trò của nhãn hiệu tập thể trong phát triển kinh tế xã hội, việc nghiên cứu bảo hộ nhãn hiệu tập thể theo pháp luật Việt Nam có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Sự cần thiết của việc bảo hộ nhãn hiệu tập thể

Nhãn hiệu tập thể là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên

Email: kakhoa@gmail.com

của tổ chức đó [5]. Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, việc bảo hộ nhãn hiệu tập thể không chỉ mang ý nghĩa pháp lý thuần túy mà còn là yêu cầu tất yếu về kinh tế xã hội. Nhãn hiệu tập thể là công cụ pháp lý đặc thù dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các thành viên trong cùng một tổ chức với hàng hóa, dịch vụ của chủ thể khác, đồng thời phản ánh uy tín chung, chất lượng và danh tiếng của cả một cộng đồng sản xuất, kinh doanh. Do đó, việc bảo hộ nhãn hiệu tập thể có vai trò rất cần thiết trên nhiều phương diện, điều này được thể hiện qua các khía cạnh sau:

2.1.1. Bảo hộ nhãn hiệu tập thể là cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng chủ thể

Nhãn hiệu là dấu hiệu được dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp này trên thị trường với hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp khác. Chúng cho phép khách hàng xác định một doanh nghiệp là nguồn cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ [4]. Nếu không bảo hộ nhãn hiệu khi tham gia kinh doanh, doanh nghiệp sẽ không làm chủ được nhãn hiệu của mình và có nguy cơ bị mất nhãn hiệu; bị làm giả, làm nhái hàng hóa, bị thiệt hại khi xảy ra tranh chấp [6]. Khác với nhãn hiệu thông thường thuộc quyền sở hữu của một cá nhân hoặc doanh nghiệp, nhãn hiệu tập thể gắn với lợi ích chung của một tập hợp các chủ thể như hợp tác xã, hiệp hội ngành nghề, tổ chức xã hội nghề nghiệp hoặc cộng đồng làng nghề. Việc đăng ký và được Nhà nước bảo hộ giúp xác lập quyền sở hữu trí tuệ hợp pháp đối với dấu hiệu dùng chung, tạo cơ sở để ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm như sử dụng trái phép, mạo danh nguồn gốc, lợi dụng uy tín tập thể để thu lợi bất chính. Qua đó, bảo đảm công bằng trong cạnh tranh và duy trì trật tự pháp lý trong hoạt động thương mại.

2.1.2. Bảo hộ nhãn hiệu tập thể góp phần nâng cao giá trị kinh tế và sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ trên thị trường

Khi được bảo hộ, nhãn hiệu tập thể trở thành một tài sản vô hình có giá trị, giúp sản phẩm của các thành viên được nhận diện rõ ràng về nguồn gốc, chất lượng và đặc thù. Điều này không chỉ tạo dựng niềm tin cho người tiêu dùng mà còn hỗ trợ hoạt động quảng bá, xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế. Trong điều kiện hội nhập, đặc biệt là khi tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, nhãn hiệu tập thể được bảo hộ còn là công cụ quan trọng để các chủ thể nhỏ và vừa, nông dân, làng nghề truyền thống nâng cao năng lực cạnh tranh, tránh bị lép vế trước các thương hiệu lớn.

2.1.3. Bảo hộ nhãn hiệu tập thể góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng cường kỷ luật nội bộ trong cộng đồng chủ thể

Việc sử dụng một nhãn hiệu tập thể có thể phát triển một liên minh hoặc hỗ trợ sự hợp tác với các tổ chức, hội khác nhằm tận dụng tối đa lợi thế của các nguồn lực chung [2]. Việc sử dụng nhãn hiệu tập thể luôn gắn liền với quy chế sử dụng do tổ chức sở hữu ban hành, trong đó quy định cụ thể về điều kiện, tiêu chuẩn chất lượng, quy trình sản xuất, kiểm soát và xử lý vi phạm đối với các thành viên. Cơ chế này buộc các thành viên phải tuân thủ các chuẩn mực chung, hạn chế tình trạng sản xuất manh mún, tùy tiện, cạnh tranh không lành mạnh trong nội bộ, đồng thời bảo đảm sự ổn định và đồng đều về chất lượng sản phẩm, qua đó bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng.

2.1.4. Bảo hộ nhãn hiệu tập thể có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo tồn giá trị văn hóa, tri thức truyền thống và thúc đẩy phát triển bền vững

Trên thực tế, nhiều nhãn hiệu tập thể gắn với sản phẩm đặc sản địa phương, sản phẩm làng nghề truyền thống, phản ánh tri thức bản địa, tập quán sản xuất lâu đời và bản sắc văn hóa của cộng đồng. Việc bảo hộ không chỉ giúp gìn giữ và phát huy các giá trị này mà còn tạo động lực kinh tế cho cộng đồng, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định sinh kế, phát triển kinh tế địa phương theo hướng bền vững, hài hòa giữa mục tiêu kinh tế, xã hội và văn hóa.

2.2. Thực trạng pháp luật về bảo hộ nhãn hiệu tập thể tại Việt Nam

Mặc dù pháp luật Việt Nam đã hình thành khung quy định về bảo hộ nhãn hiệu tập thể, song thực tiễn áp dụng cho thấy nhiều quy định còn bộc lộ hạn chế, chưa phản ánh đầy đủ đặc thù và vai trò của loại hình nhãn hiệu này. Điều này được thể hiện qua các khía cạnh sau:

2.2.1. Bản chất pháp lý và phạm vi chức năng của nhãn hiệu tập thể chưa được phân định thật sự rõ ràng với các cơ chế bảo hộ gần gũi, đặc biệt là nhãn hiệu chứng nhận và dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý. Mặc dù pháp luật sở hữu trí tuệ đã xác định chức năng cơ bản của từng loại nhãn hiệu, nhưng trong thực tiễn áp dụng, ranh giới giữa các cơ chế này vẫn còn mờ nhạt, dẫn đến tình trạng nhiều chủ thể lựa chọn đăng ký nhãn hiệu tập thể để thay thế cho nhãn hiệu chứng nhận do cơ chế quản lý đơn giản hơn. Việc sử dụng nhãn hiệu tập thể trong các trường hợp này làm sai lệch chức năng vốn có của loại hình nhãn hiệu và gây khó khăn cho việc kiểm soát, duy trì chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, việc thiếu tiêu chí hướng dẫn cụ thể đối với các dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý khi được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận làm gia tăng nguy cơ chông lẩn cơ chế bảo hộ và suy giảm niềm tin của người tiêu dùng.

2.2.2. Quy định về chủ thể đăng ký, mô hình sở hữu và cơ chế quản trị nhãn hiệu tập thể còn nặng về hình thức pháp nhân, thiếu linh hoạt trong khai thác và chưa có cơ chế kế thừa rõ ràng. Pháp luật hiện hành chủ yếu dựa vào các tiêu chí mang tính hình thức như quyết định thành lập, giấy phép hoạt động và điều lệ tổ chức để xác định tư cách chủ thể đăng ký và thẩm quyền quản lý nhãn hiệu tập thể, trong khi chưa đánh giá đầy đủ thực chất hoạt động sản xuất kinh doanh và mức độ gắn kết lợi ích của cộng đồng sử dụng nhãn hiệu. Hệ quả là nhiều nhóm sản xuất tại địa phương, dù tồn tại và hoạt động ổn định trên thực tế, vẫn gặp khó khăn trong việc xác lập quyền do chưa được chuẩn hóa về mặt pháp lý, buộc phải đứng tên hộ hoặc mượn pháp nhân khác để đăng ký, làm sai lệch bản chất sở hữu chung của nhãn hiệu tập thể và tiềm ẩn nguy cơ tranh chấp trong quản lý và khai thác quyền. Bên cạnh đó, việc pháp luật giới hạn quyền sử dụng nhãn hiệu tập thể chỉ cho các thành viên của tổ chức chủ sở hữu, không cho phép chuyển giao cho các chủ thể ngoài tổ chức, phản ánh cách tiếp cận khép kín và chưa phù hợp với thực tiễn chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh hiện đại. Trong bối cảnh nhiều khâu như gia công, đóng gói, phân phối và thương mại điện tử được thực hiện bởi các chủ thể không nhất thiết có tư cách thành viên, quy định này làm giảm tính linh hoạt trong khai thác thương mại và khả năng mở rộng thị trường của nhãn hiệu tập thể. Ngoài ra, pháp luật còn thiếu cơ chế rõ ràng về việc kế thừa và chuyển tiếp quyền đối với nhãn hiệu tập thể khi tổ chức chủ sở hữu tái cơ cấu hoặc chấm dứt hoạt động, khiến nhãn hiệu dễ rơi vào rủi ro mất hiệu lực mang tính hình thức, làm gián đoạn quá trình xây dựng và phát triển thương hiệu chung của cộng đồng chủ thể.

2.2.3. Quy định về quy chế sử dụng và cơ chế kiểm soát chất lượng đối với nhãn hiệu tập thể còn thiếu chiều sâu và tính khả thi, chưa phản ánh đầy đủ vai trò cốt lõi của nhãn hiệu tập thể trong việc bảo đảm chất lượng đồng nhất và uy tín của hàng hóa, dịch vụ. Mặc dù pháp luật sở hữu trí tuệ xác định quy chế sử dụng là tài liệu bắt buộc và là nền tảng cho việc quản lý, khai thác nhãn hiệu tập thể, song yêu cầu về nội dung quy chế hiện nay chủ yếu mang tính hình thức, tập trung vào thông tin tổ chức, điều kiện thành viên và phạm vi sử dụng, mà chưa đặt ra nghĩa vụ cụ thể về xác định đặc tính, tiêu chuẩn chất lượng cũng như phương thức kiểm soát việc tuân thủ các tiêu chí này. Hệ quả là nhiều nhãn hiệu tập thể chỉ dừng lại ở việc gắn tên địa phương hoặc cộng đồng, không bảo đảm sự đồng nhất về chất lượng, làm suy giảm giá trị bảo hộ và niềm tin của người tiêu dùng. Bên cạnh đó, cơ chế thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể hiện nay chủ yếu xem xét hình thức hồ sơ, chưa gắn với đánh giá thực chất năng lực kiểm soát chất lượng của tổ chức chủ sở hữu; trong khi cơ chế hậu kiểm lại chưa được thiết kế đầy đủ và hiệu quả. Dù pháp luật cho phép chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu tập thể khi việc kiểm soát quy chế sử dụng không được thực hiện hoặc thực hiện không hiệu quả, nhưng do thiếu tiêu chí cụ thể và cơ chế giám sát định kỳ, quy định này khó phát huy hiệu quả trong thực tiễn.

2.2.4. Thủ tục đăng ký nhãn hiệu tập thể có yếu tố địa danh còn nặng về yêu cầu hành chính và cơ

chế xin phép, làm phát sinh điểm nghẽn trong tiếp cận bảo hộ và chưa thực sự phù hợp với mục tiêu hỗ trợ cộng đồng địa phương xây dựng, phát triển thương hiệu chung. Theo quy định hiện hành, hồ sơ đăng ký phải kèm theo văn bản cho phép sử dụng địa danh của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương; trường hợp địa danh liên quan đến nhiều đơn vị hành chính còn phải có sự chấp thuận của tất cả các địa phương liên quan, đồng thời bổ sung bản đồ khu vực địa lý có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Trên thực tế, các yêu cầu này thường kéo dài thời gian xử lý hồ sơ, phụ thuộc vào sự phối hợp giữa nhiều cơ quan, đặc biệt trong trường hợp liên tỉnh hoặc liên vùng, làm gia tăng chi phí và nguồn lực cho cộng đồng chủ thể, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ cơ chế “xin-cho”. Trong khi đó, nhãn hiệu tập thể được thiết kế như một công cụ pháp lý nhằm hỗ trợ cộng đồng địa phương phát triển thương hiệu chung, nên việc duy trì thủ tục đăng ký phức tạp và nặng tính hành chính như hiện nay phần nào làm suy giảm hiệu quả tiếp cận và khai thác cơ chế bảo hộ trong thực tiễn.

2.2.5. Quy định về duy trì hiệu lực và nghĩa vụ chứng minh sử dụng nhãn hiệu chưa phù hợp với đặc thù sử dụng phân tán của nhãn hiệu tập thể, làm gia tăng nguy cơ bị chấm dứt hiệu lực dù nhãn hiệu vẫn được khai thác trên thực tế. Theo pháp luật sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu có thể bị chấm dứt hiệu lực nếu không được sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục; tuy nhiên, đối với nhãn hiệu tập thể, việc sử dụng được thực hiện bởi nhiều thành viên khác nhau, trong khi tổ chức chủ sở hữu thường không trực tiếp khai thác nhãn hiệu. Điều này khiến việc thu thập, tổng hợp và chuẩn hóa chứng cứ sử dụng trong toàn bộ thời hạn năm năm trở nên khó khăn, đặc biệt khi quy chế sử dụng không đặt ra nghĩa vụ báo cáo và lưu trữ chứng cứ của các thành viên. Hệ quả là nhãn hiệu tập thể, dù vẫn được sử dụng rải rác trên thực tế, vẫn có nguy cơ cao bị chấm dứt hiệu lực theo cách tiếp cận chung của pháp luật hiện hành.

2.3. Một số kiến nghị hoàn thiện

Để khắc phục những vấn đề còn hạn chế, bất cập đang tồn tại như đã phân tích nêu trên thì đòi hỏi cần phải:

2.3.1. Cần làm rõ và tách bạch bản chất pháp lý, phạm vi chức năng của nhãn hiệu tập thể với nhãn hiệu chứng nhận và các cơ chế bảo hộ liên quan nhằm khắc phục tình trạng chồng lấn trong lựa chọn công cụ bảo hộ và bảo đảm tính nhất quán trong quản trị nhãn hiệu cũng như kỳ vọng của người tiêu dùng về chất lượng và nguồn gốc sản phẩm. Cụ thể, cần quy định rõ nhãn hiệu tập thể chỉ nhằm thực hiện chức năng phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các thành viên trong cùng một tổ chức, không mặc nhiên gắn với chức năng bảo đảm hay chứng nhận chất lượng, trong khi nhãn hiệu chứng nhận phải được xác định là công cụ chuyên biệt để chứng nhận các đặc tính về chất lượng, nguồn gốc hoặc phương thức sản xuất và được quản lý theo cơ chế trung lập của chủ sở hữu không trực tiếp kinh doanh. Đồng thời, pháp luật cần bổ sung các tiêu chí định hướng rõ ràng để lựa chọn công cụ bảo hộ phù hợp đối với sản phẩm gắn với yếu tố địa lý hoặc chuẩn chất lượng, qua đó hạn chế việc sử dụng nhãn hiệu tập thể như một giải pháp thay thế cho nhãn hiệu chứng nhận hoặc chỉ dẫn địa lý khi không phù hợp. Việc tăng cường hướng dẫn và sàng lọc ngay từ giai đoạn xác lập quyền sẽ giúp giảm thiểu sự chồng lấn giữa các cơ chế bảo hộ, bảo đảm tính nhất quán trong quản trị nhãn hiệu và sự minh bạch trong nhận thức của người tiêu dùng về chất lượng và nguồn gốc của sản phẩm.

2.3.2. Cần hoàn thiện pháp luật theo hướng giảm bớt sự lệ thuộc cứng nhắc vào hình thức pháp nhân và chuyển trọng tâm sang đánh giá thực chất tính đại diện, mức độ gắn kết lợi ích và năng lực quản trị của cộng đồng chủ thể. Theo đó, cần mở rộng và linh hoạt hóa cách tiếp cận đối với chủ thể đăng ký nhãn hiệu tập thể, cho phép công nhận các mô hình tổ chức đại diện hợp pháp trên thực tế của cộng đồng sản xuất tại địa phương, đồng thời đơn giản hóa hoặc hướng dẫn cụ thể hơn thủ tục chuẩn hóa pháp lý đối với các nhóm sản xuất có nhu cầu xác lập quyền. Bên cạnh đó, pháp luật cần được sửa đổi theo hướng bổ sung cơ chế cho phép tổ chức chủ sở hữu ủy quyền sử dụng nhãn hiệu tập thể cho các chủ thể tham gia chuỗi giá trị nhưng không phải là thành viên, trên cơ sở các điều kiện kiểm soát chặt chẽ được quy định rõ trong quy chế sử dụng, nhằm vừa bảo đảm bản chất sở hữu chung

vừa tăng tính linh hoạt trong khai thác thương mại. Đồng thời, cần thiết lập cơ chế kế thừa và chuyển tiếp quyền đối với nhãn hiệu tập thể trong trường hợp tổ chức chủ sở hữu tái cơ cấu, sáp nhập hoặc chấm dứt hoạt động, với các tiêu chí và thủ tục rõ ràng để bảo đảm tính liên tục của quyền và tránh nguy cơ mất hiệu lực nhãn hiệu một cách hình thức. Việc hoàn thiện đồng bộ các nội dung này sẽ góp phần bảo đảm nhãn hiệu tập thể được quản trị đúng bản chất, khai thác hiệu quả và ổn định lâu dài trong thực tiễn.

2.3.3. Pháp luật cần bổ sung yêu cầu bắt buộc quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể phải thể hiện rõ các đặc tính, chỉ tiêu chất lượng hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu, kèm theo phương pháp đánh giá, kiểm soát và cơ chế giám sát việc tuân thủ của các thành viên, tương xứng với mức độ gắn kết của nhãn hiệu tập thể với chất lượng sản phẩm trên thực tế. Đồng thời, cần điều chỉnh cơ chế thẩm định đơn đăng ký theo hướng không chỉ dừng lại ở việc kiểm tra hình thức, mà phải có sự xem xét ở mức độ hợp lý về tính đầy đủ và khả thi của quy chế sử dụng, đặc biệt là năng lực kiểm soát chất lượng của tổ chức chủ sở hữu, nhằm hạn chế tình trạng cấp văn bằng trên cơ sở các quy chế mang tính hình thức. Bên cạnh đó, pháp luật cần cụ thể hóa căn cứ chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu tập thể do không kiểm soát hoặc kiểm soát không hiệu quả bằng việc xây dựng các tiêu chí đánh giá rõ ràng, gắn với nghĩa vụ báo cáo và cơ chế giám sát định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước. Việc hoàn thiện đồng bộ các nội dung này sẽ góp phần đưa quy chế sử dụng trở thành công cụ quản trị thực chất, bảo đảm chất lượng đồng nhất của sản phẩm, củng cố niềm tin của người tiêu dùng và nâng cao hiệu quả bảo hộ nhãn hiệu tập thể trong thực tiễn.

2.3.4. Để khắc phục bất cập về thủ tục đăng ký nhãn hiệu tập thể có yếu tố địa danh, cần hoàn thiện pháp luật theo hướng đơn giản hóa yêu cầu hành chính và điều chỉnh cơ chế xin phép theo hướng minh bạch, khả thi và phù hợp hơn với mục tiêu hỗ trợ cộng đồng địa phương. Theo đó, cần xem xét thu hẹp phạm vi áp dụng yêu cầu văn bản cho phép sử dụng địa danh, chỉ đặt ra trong trường hợp việc sử dụng địa danh có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc địa lý hoặc ảnh hưởng đến lợi ích công cộng, thay vì áp dụng mang tính bao quát như hiện nay. Đối với trường hợp địa danh liên quan đến nhiều đơn vị hành chính, cần thiết kế cơ chế phối hợp thống nhất, có thể thông qua một đầu mối đại diện hoặc cơ quan quản lý cấp vùng, nhằm tránh tình trạng phải xin ý kiến rời rạc từ từng địa phương gây kéo dài thủ tục. Đồng thời, pháp luật cần quy định rõ hơn về giá trị và hình thức chứng cứ địa lý, cho phép sử dụng các nguồn dữ liệu địa lý chính thức, cơ sở dữ liệu số hoặc tài liệu đã được cơ quan nhà nước công bố thay cho yêu cầu xác nhận hành chính riêng lẻ. Việc cải cách theo hướng này sẽ giúp giảm thiểu chi phí tuân thủ, hạn chế nguy cơ phát sinh cơ chế xin cho, đồng thời bảo đảm nhãn hiệu tập thể thực sự trở thành công cụ pháp lý thuận lợi để cộng đồng địa phương xây dựng và phát triển thương hiệu chung một cách hiệu quả và bền vững.

2.3.5. Cần hoàn thiện quy định về duy trì hiệu lực và chứng minh sử dụng nhãn hiệu tập thể theo hướng phản ánh đúng đặc thù sử dụng phân tán và cơ chế quản trị chung của cộng đồng chủ thể. Trước hết, pháp luật cần làm rõ ràng việc sử dụng nhãn hiệu tập thể bởi bất kỳ thành viên hợp pháp nào của tổ chức chủ sở hữu đều được coi là sử dụng hợp lệ để duy trì hiệu lực nhãn hiệu, không phụ thuộc vào việc tổ chức chủ sở hữu có trực tiếp khai thác nhãn hiệu hay không. Đồng thời, cần mở rộng và cụ thể hóa phạm vi chứng cứ chứng minh sử dụng trong trường hợp nhãn hiệu tập thể, cho phép ghi nhận các tài liệu phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế của các thành viên như hóa đơn, nhãn hàng hóa, hợp đồng phân phối, tài liệu quảng bá hoặc dữ liệu điện tử. Bên cạnh đó, pháp luật nên gắn nghĩa vụ chứng minh sử dụng với cơ chế quản trị nội bộ bằng cách yêu cầu quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể phải quy định rõ trách nhiệm báo cáo, lưu trữ và tổng hợp thông tin sử dụng nhãn hiệu của các thành viên theo định kỳ, qua đó tạo nền tảng pháp lý để tổ chức chủ sở hữu chủ động quản lý và bảo vệ quyền của mình. Việc điều chỉnh theo hướng này sẽ giúp giảm thiểu rủi ro chấm dứt hiệu lực mang tính hình thức, đồng thời bảo đảm sự ổn định và bền vững của quyền đối với nhãn hiệu tập thể trong thực tiễn.

Xem tiếp trang 245